

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2018/KDTM-PT
Ngày 10 - 7 - 2018
“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn.
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần
Ông Nguyễn Đăng Phồn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**

Bà Trương Thị Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2017/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”. Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/KDTM-ST ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà V, Số 70-72, Đường L, phường B, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng D - Chuyên viên cấp 2, Tổ xử lý nợ miền Bắc, Trung tâm xử lý nợ ; Theo Giấy ủy quyền số 55/2018/EIB/UQ-TGD ngày 27 tháng 3 năm 2018. Ông D có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần B.

Địa chỉ: Số 136, Đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh S; Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Vương Đình H và bà Nguyễn Thị L.

Địa chỉ: Xóm 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Ông H và bà L đều vắng mặt.

+ Ông Vương Đình Đ và bà Hoàng Thị Hiền L.

Địa chỉ: Khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ông Đ và bà L đều vắng mặt; Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Vương Đình H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Xóm 22, xã N, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An; theo Giấy ủy quyền ngày 12 tháng 6 năm 2018. Ông H có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Phan Duy T và bà Trần Thị Bích L.

Địa chỉ: Khối 6, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ông T và bà L vắng mặt.

+ Bà Trần Thị C

Địa chỉ: Khối 1, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bà C vắng mặt.

* Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Đình Đ.

* Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/KDTM-ST ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ việc có nội dung: Do có nhu cầu phát triển kinh doanh, Công ty Cổ phần B đã làm đơn xin vay vốn của Ngân hàng Eximbank cụ thể: Ngày 09 tháng 3 năm 2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đã ký “Hợp đồng tín dụng” số 1062 - LAV - 201100315 thỏa thuận cho

Công ty Cổ phần B vay số tiền 7.000.000.000 đồng; thời hạn vay và mức lãi suất vay theo khế nhận nợ là 12 tháng, lãi suất 20,5%/năm; tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản tiền vay trên gồm: Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của ông Vương Đình H và bà Phạm Thị D tại Xóm 11, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của ông Vương Đình H và bà Nguyễn Thị L tại Xóm 7, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của ông Vương Đình Đ và bà Hoàng Thị Hiền L tại Xóm 8, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của ông Phan Duy T và bà Trần Thị Bích L tại khối 6, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi ký kết hợp đồng, đại diện Công ty Cổ phần B là ông Trần Bá T - Giám đốc Công ty đã ký xác nhận vào các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Ngày 10 tháng 3 năm 2011, ký nhận nợ số tiền vay 4.000.000.000 đồng.
- Ngày 18 tháng 3 năm 2011, ký nhận nợ số tiền vay 3.000.000.000 đồng.

Ngày 19 tháng 5 năm 2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X lại tiếp tục ký “Hợp đồng tín dụng” số 1062 - LAV - 201100736 thỏa thuận cho Công ty Cổ phần B vay thêm số tiền là 1.500.000.000 đồng; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất vay theo khế nhận nợ là 23,5%; tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản tiền vay là: Quyền sử dụng 155,1 m² đất tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 02 và các tài sản gắn liền với đất của bà Trần Thị C thuộc Khối 1, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An (trước đây thuộc xã H, huyện HN, tỉnh Nghệ An theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số H 060936 ngày 15 tháng 4 năm 1996 do Ủy ban nhân dân huyện HN cấp mang tên bà Trần Thị C. Sau khi ký Hợp đồng, đại diện Công ty Cổ phần B là ông Vũ Thanh P - Giám đốc Công ty đã ký xác nhận vào khế ước nhận nợ ngày 20 tháng 5 năm 2011 với số tiền vay là 1.500.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần B mới trả được 21.000.000 đồng tiền gốc và 1.185.800.000 đồng tiền lãi suất. Từ ngày 13 tháng 12 năm 2011, Công ty Cổ phần B không thanh toán tiền gốc cũng như tiền lãi suất cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các điều khoản hợp đồng mà hai bên đã ký kết nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền nợ của 02 Hợp đồng tín dụng cụ thể gồm:

- Tiền gốc 8.479.000.000 đồng

- Tiền lãi suất 4.852.988.285 đồng.

Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là 13.331.998.285 đồng. Đồng thời, yêu cầu Tòa án tuyên bảo thủ các tài sản thế chấp của 05 hộ gia đình được ghi tại 02 bản “Hợp đồng tín dụng” nêu trên để đảm bảo việc thi hành án dân sự, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 19 tháng 01 năm 2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có đơn yêu cầu thay đổi nội dung đơn kiện ngày 15 tháng 07 năm 2013 với nội dung: Sau khi Ngân hàng làm đơn khởi kiện, trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết, Công ty Cổ phần B đã thanh toán cho Ngân hàng một phần số tiền gốc và tiền lãi suất (tiền gốc 821.000.000 đồng, tiền lãi suất 1.415.874.306 đồng) nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần X - Chi nhánh thành phố V đã làm thủ tục cho giải chấp và trả lại các giấy tờ liên quan đối với số tài sản thế chấp của ông Vương Đình H và bà Phạm Thị D. Nay, Ngân hàng Eximbank yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần B phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền nợ của 02 Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 16 tháng 01 năm 2015 cụ thể gồm:

- Tiền gốc 7.679.000.000 đồng + Tiền lãi suất 9.549.341.422 đồng = 17.138.341.422 đồng. Đồng thời, yêu cầu Tòa án tuyên bảo thủ các tài sản thế chấp của 04 hộ gia đình (trừ các tài sản thế chấp của ông Vương Đình H và bà Phạm Thị D) để đảm bảo việc thi hành án dân sự sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần X yêu cầu Tòa án xử buộc Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền nợ tính đến ngày 16 tháng 03 năm 2017 gồm: Tiền gốc 7.679.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn: 898.883.334 đồng, tiền lãi suất quá hạn: 9.371.486.021 đồng. Tổng cộng là 17.749.369.355 đồng.

Với nội dung trên, tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/KDTM-ST ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 309, các Điều 35, 39, 147, 220, 227, 228, 217, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 342, 343, 355, 471, 473, 474, 476, 715, 716 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Buộc Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X - Chi nhánh tại Nghệ An các khoản nợ của hai hợp đồng tín dụng gồm tiền gốc 7.679.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn 898.883.334 đồng, tiền lãi suất quá hạn 9.371.486.021 đồng, tổng cộng 17.749.369.355 đồng.

Tuyên bố kê biên bảo thủ các tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 369, tờ bản đồ số 03, diện tích 642,5 m² và các tài sản gắn liền với đất tại Xóm 7, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 019823 ngày 01 tháng 7 năm 2010 do Ủy ban nhân dân huyện Ng cấp cho ông Vương Đình Hiệp, bà Nguyễn Thị L (là tài sản hợp pháp của ông Vương Đình H và bà Nguyễn Thị L);

- Quyền sử dụng thửa đất số 293, tờ bản đồ số 04, diện tích 1466 m² và các tài sản gắn liền với đất tại Xóm 8, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 516746 ngày 29 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân huyện Ng cấp cho ông Vương Đình Đ (là tài sản hợp pháp của ông Vương Đình Đ và bà Hoàng Thị Hiền L);

- Quyền sử dụng thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11, diện tích 220,3 m² và các tài sản gắn liền với đất tại Khối 6, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 836392 ngày 19 tháng 6 năm 2002 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho ông Phan Duy T, bà Trần Thị Bích L (là tài sản hợp pháp của ông Phan Duy T và bà Trần Thị Bích L);

Cả ba tài sản nêu trên đảm bảo cho khoản vay 7.000.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 201100315 ngày 09 tháng 3 năm 2011.

- Quyền sử dụng tờ bản đồ số 06, diện tích 180 m² thuộc xã H, huyện HN, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 060936 ngày 15 tháng 4 năm 1996 do Ủy ban nhân dân huyện HN cấp cho bà Trần Thị C (nay thuộc Khối 11, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An; theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 02, diện tích 155,1 m²; theo bản đồ đo đạc năm 2016 thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 65 và các tài sản gắn liền với đất tại Khối 1, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An). Tài sản này đảm bảo cho số tiền vay 1.500.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 201100736 ngày 19 tháng 5 năm 2011.

Để đảm bảo cho công tác thi hành án dân sự, sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Trường hợp Công ty Cổ phần B đã thanh toán hết số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải có nghĩa vụ hoàn trả các lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ khác có liên quan đến tài sản thế chấp cho những người có tài sản thế chấp cho Công ty Cổ phần B theo luật định.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 4 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Đình Đ kháng cáo đối với Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An, với lý do: Sau khi xem xét bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V, ông Đ nhận thấy có những điều chưa đúng sự thật như về phần chữ ký và chữ viết của vợ chồng ông trong hợp đồng thế chấp với Ngân hàng. Do đó, ông làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Vương Đình Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngày 14 tháng 4 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định số 473/KN-VKS-P10 kháng nghị Bản án số 02/2017/KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An theo thủ tục phúc thẩm, với lý do: Sau khi xem xét quá trình giải quyết vụ án và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An nhận thấy bản án có những vi phạm về không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng; Vi phạm về ủy quyền; Vi phạm về xác minh, thu thập chứng cứ; Tuyên án không chính xác; Vi phạm về áp dụng căn cứ và tính án phí. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung kháng nghị. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Quá trình giải quyết tại

cấp phúc thẩm, đương sự đã cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ còn thiếu và những vi phạm của của Tòa án cấp sơ thẩm đã được khắc phục. Do đó, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà chỉ cần sửa bản án sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đối với nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Đình Đ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét nội dung vụ án: Ngày 09 tháng 3 năm 2011 và ngày 19 tháng 5 năm 2011, Công ty Cổ phần B ký Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201100315 vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X - Chi nhánh Vinh vay tổng số tiền 8.500.000.000 đồng; thời hạn, lãi suất cho vay, mục đích vay được quy định trong các điều khoản của hợp đồng và phụ lục kèm theo. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân và Công ty đã nhận nợ số tiền theo Khế ước nhận nợ số 1602-LAV-201100370 ngày 10 tháng 3 năm 2011, Khế ước nhận nợ số 1602-LAV-201100429 ngày 18 tháng 3 năm 2011 và Khế ước nhận nợ số 1602-LAV-201100841 ngày 20 tháng 5 năm 2011. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Vương Đình H và bà Phạm Thị D, ông Vương Đình H và bà Nguyễn Thị L, ông Vương Đình Đ và bà Hoàng Thị Hiền L, ông Phan Duy T và bà Trần Thị Bích L, bà Trần Thị C, là các tài sản đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X khởi kiện yêu cầu Công ty trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và các quy định của pháp luật đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, buộc Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X - Chi nhánh tại Nghệ An các khoản nợ của hai hợp đồng tín dụng gồm tiền gốc

7.679.000.000 đồng, tiền lãi suất trong hạn 898.883.334 đồng, tiền lãi suất quá hạn 9.371.486.021 đồng, tổng cộng 17.749.369.355 đồng, đồng thời, tuyên bố kê biên bảo thủ các tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án. Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Đình Đ kháng cáo về nội dung liên quan đến hợp đồng thế chấp tài sản và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có quyết định kháng nghị.

[4] Xét kháng cáo của ông Vương Đình Đ:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp số 14/EIBNV-TD/BĐTD/2011 ký ngày 07 tháng 3 năm 2011 thể hiện: Ông Vương Đình Đ và bà Hoàng Thị Hiền L thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 293, tờ bản số 04, diện tích 1466 m² tại Xóm 8, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 516746 do Ủy ban nhân dân huyện Ng, tỉnh Nghệ An cấp ngày 29 tháng 4 năm 2008 mang tên ông Vương Đình Đ, để bảo đảm cho khoản vay 2.700.000.000 đồng của Công ty Cổ phần B. Hợp đồng đã được các bên ký tên, đóng dấu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X - Chi nhánh Vinh và Công ty Cổ phần B, đồng thời, được chứng thực và đăng ký thế chấp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An. Theo đơn kháng cáo của ông Vương Đình Đ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Đ cho rằng chữ ký, chữ viết trong hợp đồng thế chấp không phải là của ông Đ, bà L và ông Đ, bà L không thế chấp diện tích đất để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần B. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, theo yêu cầu của ông Vương Đình Đ, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết trong hợp đồng thế chấp. Tại Kết luận giám định số 14/KL-PC5 (GĐKTHSTT) ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An đã kết luận: *“Chữ ký ghi tên Vương Đình Đ dưới mục Bên B (Bên thế chấp) tại dòng thứ 4 từ dưới lên ở trang 5 trên Hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 14/EIBNV-TD/BĐTS/2011 ngày 07 tháng 3 năm 2011 với chữ ký Vương Đình Đ trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra”*. Như vậy, tại thời điểm thế chấp, ông Vương Đình Đ không ký vào hợp đồng thế chấp, không đồng ý dùng tài sản là quyền sử dụng đất của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Cổ phần B tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần X - Chi nhánh Vinh. Hơn nữa, theo trình bày và tài liệu, chứng cứ do ông Đ xuất trình thì ông và bà L kết hôn với nhau, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố

V, tỉnh Nghệ An ngày 03 tháng 6 năm 2009. Trong khi đó, thửa đất số 293, tờ bản số 04, diện tích 1466 m² tại Xóm 8, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An do ông Đ nhận chuyển nhượng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29 tháng 4 năm 2008, là tài sản riêng của ông Đ hình thành trước thời kỳ hôn nhân. Quá trình sau khi kết hôn, hai vợ chồng chưa tiến hành việc nhập tài sản riêng vào tài sản chung vợ chồng, ông Đ cũng không tặng cho, chuyển nhượng thửa đất cho ai. Do đó, có căn cứ xác định Hợp đồng thế chấp số 14/EIBNV-TD/BĐTS/2011 ngày 07 tháng 3 năm 2011 là vô hiệu do bị lừa dối và chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Vương Đình Đ, không chấp nhận yêu cầu tuyên bố bảo thủ tài sản thế chấp của ông Vương Đình Đ để đảm bảo cho khoản vay của Công ty B, buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vương Đình Đ.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Đối với nội dung kháng nghị Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm không đưa ông Vương Đình H và bà Phạm Thị D tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xét thấy, tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 7 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đề nghị Công ty Cổ phần B trả nợ tổng số tiền 13.331.998.285 đồng. Đến ngày 19 tháng 01 năm 2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, thể hiện nội dung: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, Công ty B đã nộp một phần tiền gốc và lãi nên Ngân hàng đã giải chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 480 m² (thửa đất số 150, tờ bản đồ 06) và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Xóm 11, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Vương Đình H và bà Phạm Thị D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 136284, sổ vào sổ cấp GCN 1491QSDĐ/HĐCN do Ủy ban nhân dân huyện Ng, tỉnh Nghệ An cấp ngày 20 tháng 4 năm 2004. Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc Công ty B có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tính đến ngày 16 tháng 01 năm 2015 là 17.138.341.422 đồng (trong đó, nợ gốc 7.679.000.000 đồng, nợ lãi 9.459.341.422 đồng). Trường hợp Công ty B không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là tài sản của ông Vương Đình H và bà Nguyễn Thị L, ông Vương Đình Đ và bà Hoàng Thị Hiền L, ông Phan Duy T và và Trần Thị Bích L, bà Trần Thị C. Tuy nhiên, tài liệu hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm không xác định rõ số tiền gốc và lãi mà Công ty B đã trả có liên quan gì đến việc Ngân hàng

giải chấp tài sản cho ông Vương Đình H và bà Phạm Thị D, trong khi theo hợp đồng thế chấp thì ông H và bà D có nghĩa vụ thực hiện bảo đảm khoản vay 800.000.000 đồng, đồng thời, chưa xác định nghĩa vụ bảo đảm của ông Hoàng, bà Dung đối với khoản tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản vay 7.000.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng đã xuất trình Biên bản làm việc ngày 28 tháng 10 năm 2014 với nội dung: Công ty B đề nghị Ngân hàng chấp thuận cho thanh toán số tiền 1.030.000.000 đồng để giải chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 480 m² (thửa đất số 150, tờ bản đồ 06) và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Xóm 11, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Vương Đình H và bà Phạm Thị D. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, không cần thiết phải đưa ông Vương Đình H và bà Phan Thị D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, sai sót này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với nội dung kháng nghị vi phạm về ủy quyền, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận xem xét và giải quyết nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện do người không đủ thẩm quyền ký là vi phạm quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng xuất trình Giấy ủy quyền số 425/2014/EIB/UQ-TGD ngày 14 tháng 11 năm 2014 và Giấy ủy quyền số 55/2018/EIB/UG-TGD thể hiện các nội dung ủy quyền về việc ký các đơn khởi kiện và tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Do đó, vi phạm này Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với nội dung kháng nghị vi phạm về xác minh, thu thập chứng cứ, đối với việc giải chấp tài sản thế chấp của ông Vương Đình H và bà Phạm Thị D, như đã phân tích ở trên, vi phạm này đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục.

Đối với tài sản thế chấp là thửa đất của bà Trần Thị C, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh làm rõ sự khác nhau giữa thông tin thửa đất trong hợp đồng tín dụng và đơn đăng ký thế chấp là chưa có căn cứ đầy đủ để giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết phúc thẩm, ngày 14 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An đối với thông tin về thửa đất số 98, tờ bản đồ số 02,

diện tích 155,1 m². Kết quả xác minh thể hiện: Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 02 (theo trích lục bản đồ ngày 16 tháng 5 năm 2011) và thửa đất số 06 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 060936 là cùng một thửa đất, có chủ sử dụng là bà Trần Thị C. Thửa đất này trước đây đã được Ủy ban nhân dân huyện HN, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận ngày 15 tháng 4 năm 1996, có địa chỉ tại xã H, huyện HN. Năm 2008, xã H được sáp nhập về thành phố V và thửa đất thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân phường V, thành phố V. Hiện nay, Ủy ban nhân dân thành phố V chưa tiến hành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bà Cát đang thế chấp thửa đất tại Ngân hàng. Sở dĩ có sự chênh lệch về diện tích (155,1 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 và 180 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008) là vì quá trình sử dụng đất, do mở đường nên kích thước các cạnh tứ cận có sự thay đổi và do đo đạc qua các thời kỳ. Do đó, thông tin thửa đất trong hợp đồng tín dụng và đơn đăng ký thế chấp là một và giao dịch thế chấp là đúng pháp luật.

Về nội dung kháng nghị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án không chính xác, căn cứ đơn khởi kiện thì Ngân hàng yêu cầu trường hợp Công ty B không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên kê biên bảo thủ các tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc thi hành là không chính xác. Căn cứ quy định của pháp luật, cần sửa lại cách tuyên về xử lý tài sản bảo đảm cho phù hợp.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X - Chi nhánh tại Nghệ An, không tuyên cụ thể số tiền gốc và lãi theo từng hợp đồng Công ty B phải trả là không chính xác, cần chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Đối với nội dung số tiền lãi Công ty B phải chịu do chậm thi hành án, căn cứ Án lệ số 08 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì cách tuyên như vậy là đúng pháp luật.

Về nội dung kháng nghị về số tiền án phí sơ thẩm Công ty B phải chịu, căn cứ quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì cách tính án phí phải căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Do đó, số tiền án phí sơ thẩm Công ty Cổ phần B phải chịu là 125.749.369 đồng nên cần chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Tại phiên tòa, những vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm đã được khắc phục nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Xét thấy, các yêu cầu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận một phần nội dung kháng nghị đó. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với các vi phạm này.

[6] Về án phí phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Đình Đ kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại cho ông Vương Đình Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Đình Đ và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 309, các Điều 35, 39, 147, 220, 227, 228, 217, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 342, 343, 355, 471, 473, 474, 476, 715, 716 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm; xử:

Buộc Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X các khoản nợ của hai hợp đồng tín dụng gồm:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201100315 ngày 09 tháng 3 năm 2011: Tiền gốc 6.179.000.000 đồng (Sáu tỷ, một trăm bảy mươi chín triệu đồng), tiền lãi trong hạn 553.133.334 đồng (Năm trăm năm mươi ba triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng), tiền lãi quá hạn 7.744.829.771 đồng (Bảy tỷ, bảy trăm bốn mươi tư triệu đồng, tám trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi một đồng). Tổng cộng 14.476.963.105

đồng (Mười bốn tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm linh năm đồng).

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201100736 ngày 19 tháng 5 năm 2011: Tiền gốc 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn 145.750.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tiền lãi quá hạn 1.626.656.250 đồng (Một tỷ, sáu trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng). Tổng cộng 3.272.406.250 đồng (Ba tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm linh sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng, Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tổng số tiền 17.749.369.355 đồng (Mười bảy tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng).

Trường hợp Công ty Cổ phần B không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 369, tờ bản đồ số 03, diện tích 642,5 m² và các tài sản gắn liền với đất tại Xóm 7, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 019823 ngày 01 tháng 7 năm 2010 do Ủy ban nhân dân huyện Ng cấp cho ông Vương Đình H, bà Nguyễn Thị L (là tài sản hợp pháp của ông Vương Đình H và bà Nguyễn Thị L);

- Quyền sử dụng thửa đất số 109, tờ bản đồ số 11, diện tích 220,3 m² và các tài sản gắn liền với đất tại Khối 6, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 836392 ngày 19 tháng 6 năm 2002 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp cho ông Phan Duy T, bà Trần Thị Bích L (là tài sản hợp pháp của ông Phan Duy T và bà Trần Thị Bích L);

Cả hai tài sản nêu trên đảm bảo cho khoản vay 7.000.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 201100315 ngày 09 tháng 3 năm 2011.

- Quyền sử dụng thửa đất tại tờ bản đồ số 06, diện tích 180 m² thuộc xã H, huyện HN, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 060936 ngày 15 tháng 4 năm 1996 do Ủy ban nhân dân huyện HN cấp cho bà Trần Thị C (nay thuộc Khối 11, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An; theo

bản đồ địa chính đo đạc năm 2002 thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 02, diện tích 155,1 m²; theo bản đồ đo đạc năm 2016 thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 65 và các tài sản gắn liền với đất tại Khối 1, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An). Tài sản này đảm bảo cho số tiền vay 1.500.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 201100736 ngày 19 tháng 5 năm 2011.

Trường hợp Công ty Cổ phần B đã thanh toán hết số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải có nghĩa vụ hoàn trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ khác có liên quan đến tài sản thế chấp cho những người có tài sản thế chấp cho Công ty Cổ phần B theo luật định.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X về việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 293, tờ bản đồ số 04, diện tích 1466,0 m² và các tài sản gắn liền với đất tại Xóm 8, xã N, huyện Ng, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 516746 ngày 29 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân huyện Ng cấp cho ông Vương Đình Đ. Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 516746 cho ông Vương Đình Đ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty Cổ phần B phải chịu 125.749.369 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X 60.650.000 đồng (Sáu mươi triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002504 ngày 21 tháng 10 năm 2013.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Vương Đình Đ không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại cho Vương Đình Đ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Nghệ An theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005180 và số 0004876 ngày 08 tháng 5 năm 2017 và ngày 10 tháng 8 năm 2017.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Sơn